

# VUA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ NỖ LỰC HOÀ BÌNH

Tài liệu trích dẫn:

"Việt Nam Sử Lược" của cụ Trần Trọng Kim và  
"Am Mây Ngủ" của Thượng Tọa Nhất Hạnh.

TÔN THẤT TÙNG.

Đa số người Việt Nam đều biết vào những năm 1284 và 1288, Vua Trần Nhân Tông đã hai lần lãnh đạo toàn dân đánh bại quân xâm lăng Mông Cổ, một dân tộc hiếu chiến và dũng mãnh mà vó ngựa đã dẫm nát cả giải đất Trung Hoa và Nga La Tư. Tuy nhiên, rất ít người biết rằng vị Vua anh hùng đó lại trở thành một vị Thiền Sư với đạo hiệu Trúc Lâm Đại sĩ.

Khi làm Vua, Ngài đã để lại cho nước Việt Nam những trang sử oai hùng thì khi làm nhà Sư, Ngài đã để lại cho kho tàng Phật giáo một số kinh sách giá trị.

Bài này không có mục đích ca tụng Trần Nhân Tông Hoàng Đế mà cốt để giới thiệu đến quý vị một vị Vua đời nhà Trần qua hình ảnh một vị Thiền Sư. Qua hình ảnh đó quý vị sẽ thấy lòng tử bi và đức độ của Ngài đã tạo dựng được nền hoà bình cho hai nước Việt Chiêm. Ít ra trong suốt cuộc đời của Vua Nhân Tông, cảnh hòa bình an lạc đã được thể hiện trên giải đất Chiêm Thành và Đại Việt. Một trong những nỗ lực kiến tạo hoà bình của Vua Nhân Tông là việc gả Công Chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm Thành mà có nhiều người không hiểu hoặc cố tình không hiểu lại nói rằng vì Vua Nhân Tông muốn mở rộng bờ cõi về phương Nam nên gả Công Chúa cho Vua Chiêm để đổi lấy hai Châu Ô và Châu Lý.

Chính vì sự hiểu lầm đó mà sau này mấy "mệ" ở Huế đặt bài ca Nam Bình "Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi" để ca ngợi lòng hy sinh của Công Chúa Huyền Trân và nặng lời chê bai Vua Chế Mân như những câu " Vàng lộn theo chì; Thân vàng ngọc đem vùi cát bụi" v.v... hoặc là

"tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng Mán thằng Mường nó leo", cố ý ám chỉ Vua Chế Mân là đồ mọi rợ mà dám chơi leo...

Nếu muốn nhắc lại sự nghiệp cứu nước và sự nghiệp hành đạo của Vua Nhân Tông thì khuôn khổ của LÁ THƯ không cho phép. Bài này tôi chỉ ghi lại một vài nét chính của Ngài về những nỗ lực hoà bình dang dở. Tiếc rằng Ngài qua đời quá sớm - 51 tuổi - và người kế vị Ngài có thể vì sự tồn vong của dân tộc mà đành quên đi ước vọng của Vua cha:

Số là sau khi đánh đuổi quân Mông Cổ đem lại thái bình cho đất nước, cũng như Thái Tử Tất Đạt Đa ngày trước, Vua Nhân Tông nhận thấy ngai vàng không phải là chân hạnh phúc, Ngài bèn truyền ngôi cho Thái Tử Thuyên, lúc đó mới mười tám tuổi và lui về hành cung Vu Lâm để thọ Bồ Tát giới và sau đó chính thức xuất gia ở núi Yên Tử.

Một hôm, sau giờ thiền tọa, Vua Nhân Tông ngồi ngẫm nghĩ chuyện đời. Nhìn ra miền Bắc thì thấy nhà Nguyên tuy đã hai lần thất bại, nhưng vẫn lắm le muốn trở lại Đại Việt. Ngoảnh về phương Nam thì thấy nước Chiêm Thành luôn luôn coi người Đại Việt là mối thù truyền kiếp. Bởi vì các đời Vua Lê Đại Hành, Lý Thánh Tông, Lý Thái Tổ đã bao phen đem quân đánh phá Chiêm Thành, tàn sát dân Chiêm, bắt Công chúa My Ê đem về nước. Vua Nhân Tông nghĩ rằng hai nước Miên Việt cần phải chung lưng đấu cật, tạo một sức mạnh hổ tương để có thể đương đầu với giặc Nguyên từ phương Bắc. Vua thấy cần phải mở một chân trời ngoại giao mới để tạo tình hữu nghị giữa hai nước nên Ngài mở cuộc thăm viếng nước Chiêm.

Khi đến Chiêm Thành, Vua Nhân Tông được Vua Chế Mân long trọng tiếp đón và mời Vua tạm trú tại chùa Vihara là ngôi chùa lớn nhất ở kinh đô Vijaya. Vua Nhân Tông đã ở Chiêm tám tháng và đi dạo thăm khắp nước Chiêm Thành. Đến đâu Vua cũng tổ chức những buổi nói chuyện với dân Chiêm, gieo vào đầu óc dân Chiêm những ý nghĩ hoà bình an lạc. Vua cảm thấy thương yêu người dân Chiêm không khác chi người dân Việt và Ngài nghĩ rằng đưa hai dân tộc vào vòng bình lửa là một

điều tội lỗi. Ngài lại nhận thấy Vua Chế Mân là một người anh hùng được toàn dân thương mến, nên trước khi về ngài ngó ý gả Công Chúa Huyền Trân cho Vua Chế Mân, nhưng hẹn bốn năm sau, khi Huyền Trân đủ mười tám tuổi sẽ cho nạp sính lễ và rước dâu.

Về phần Triều Đình Chiêm Thành, khi thấy Vua Nhân Tông bỗng nhiên bỏ đi tu rồi sang thăm nước Chiêm thì nghĩ rằng hành động đó có mục đích chính trị. Nhưng sau một thời gian ở Chiêm Thành, đời sống và nhân cách của Vua Nhân Tông đã đánh tan mọi sự nghi ngờ trong lòng Vua tể Chiêm Thành. Từ đó họ đi tới sự kính phục. Các vị Sư Sãi ở Kinh Đô đều xác nhận với Vua Chế Mân rằng Vua Đại Việt là một vị chân tu. Vì vậy khi nghe Vua Nhân Tông ngó ý gả Công Chúa Huyền Trân, Vua Chế Mân nhận thấy đây không phải là một sắp xếp ngoại giao mà chính là tiếng nói của tình thương!

Vua Chế Mân nghĩ rằng Thượng Hoàng Nhân Tông đã đem con gái phú thác cho ta đó cũng là đem trái tim của Ngài phú thác cho dân Chiêm. Có thể nhờ cuộc nhân duyên lịch sử này mà bao nhiêu thù hận chất chứa lâu ngày trong lòng dân Chiêm sẽ được tan biến đi. Hòa bình là một điều đáng quý, nhưng nếu Chiêm Thành cứ một mình đơn độc chống đỡ ngoại xâm thì có ngày sẽ gặp cảnh lương đầu thọ địch. Chính vì vậy mà qua đề nghị của Vua Nhân Tông, Chế Mân nhận thấy được câu trả lời thoả mãn cả lý trí lẫn con tim và Vua Chế Mân đã vui mừng nghe theo lời đề nghị của Vua Nhân Tông.

Sau khi về nước, Vua Nhân Tông liền báo tin cho Vua Anh Tông và Công Chúa Huyền Trân biết là Vua đã hứa gả Công Chúa cho Vua Chăm và bốn năm sau sẽ cho rước dâu. Huyền Trân lúc đó mới mười bốn tuổi nên chưa có một quan niệm gì về hôn nhân và lại nàng cho rằng bốn năm nữa còn quá lâu nên Công chúa lặng yên không nói chi cả.

Nào ngờ thời gian như bóng câu qua cửa. Vào một buổi sáng mùa Xuân ấm áp, phái bộ của nước Chiêm Thành do sứ thần Chế Bồ Đài cầm đầu, mang theo nhiều bảo ngọc chân trâu cùng một đôi bạch tượng đến dâng sính lễ cầu hôn. Cùng với các lễ vật trân quý, Vua Chế Mân còn kèm theo một tờ biểu xin dâng hai Châu Ô

và Châu Lý để nước Đại Việt tự do mở rộng bờ cõi.

Vì là việc trọng đại nên Vua Anh Tông phải thiết triều để nghị luận với quần thần về việc cầu hôn của Vua Chăm. Các quan thì người thuận kẻ chống. Người chống đối mạnh nhất là quan Tham Tri Chính Sự Đoàn Nhữ Hài. Cuối cùng là Thượng Tướng Trần Khắc Chung phát biểu ý kiến ý kiến. Ông nhấn mạnh về sự quan trọng của lời hứa của Thượng Hoàng, đó là danh dự của cả một nước, không thể xóa bỏ một cách dễ dàng. Sau đó ông nói rằng việc vua Chiêm dâng hai Châu Ô và Châu Lý để làm lễ dẫn cưới là rất có lợi cho nước nhà vì nó giúp ta mở rộng bờ cõi mà không tốn một giọt máu viễn chinh. Nhờ tài ăn nói lưu loát nên Tướng Trần Khắc Chung đã thuyết phục được Vua Anh Tông và tất cả triều thần đồng ý chấp nhận sính lễ và định ngày mai sẽ thông báo cho phái bộ Chiêm Thành biết là lễ cưới có thể được tổ chức vào tháng sáu năm nay.

Được tin, Công chúa Huyền Trân lặng người đau đớn! Nàng tự hỏi tại sao hạnh phúc của chính ta lại do người khác định đoạt? Nàng có cảm tưởng nàng là món hàng mang đi đổi chác. Tủi thân, Công chúa gục đầu vào đôi tay thốn thốc. Sáng hôm sau, Huyền Trân vào cung xin phép Thái Hậu Từ Tuyên lên núi Yên Tử để thỉnh ý Thượng Hoàng trước khi về làm Hoàng Hậu nước Chiêm vì Công Chúa có một đức tin mãnh liệt nơi người cha già kính yêu. Vua Anh Tông liền phái một võ quan sắp đặt kiệu loan cho Công chúa lên núi Yên Tử.

Sau mấy ngày đường dong ruổi, vào một buổi xế trưa thì Công Chúa đến Am Long Động, nơi Vua Nhân Tông an trú. Hay tin, Vua bước ra đón và nắm tay Công Chúa dắt ra bên bờ suối, bảo Huyền Trân ngồi trên một phiến đá bằng phẳng, Vua ngồi trên phiến đá đối diện rồi dịu dàng hỏi:

- Con lên thăm ta hay có việc chi muốn hỏi?

- Tâu phụ vương, con muốn biết lý do nào đã khiến phụ vương gả con cho Vua Chăm?

Nhìn Công Chúa giãi lát Vua trả lời :

- Vì ta biết chắc con sẽ có vô vàn hạnh phúc bên cạnh Chế Mân. Chiêm Thành không phải là một nước man di như nhiều người lầm tưởng. Trái lại, dân tộc Chiêm Thành có một

nền văn minh lâu đời. Vua Chế Mân là một thanh niên anh tuấn, có vũ dũng và có văn tài. Sau tám tháng gần gũi Chế Mân ta cảm thấy thương Chế Mân như thương Anh Tông và thương yêu dân tộc Chiêm Thành như dân tộc Đại Việt. Sự sống của người dân Chăm không khác chi sự sống của người dân Việt. Cả hai dân tộc cùng đau những cái đau như nhau, cùng buồn những nỗi buồn như nhau, cùng ao ước những niềm ao ước như nhau. Ta tin rằng khi về Chăm con cũng sẽ được dân Chăm thương mến như đã từng thương mến Chế Mân. Nếu con để hết tâm lực vào thì con có thể xây dựng được Vương quốc Chiêm Thành và tạo dựng được nền hòa bình trường cửu cho hai nước Việt Chiêm.

- Tàu phụ vương, những khoảng cách giữa hai nước xa xôi diệu vợi, con ra đi biết có còn gặp lại được phụ vương nữa hay không?

- Con hãy đưa bàn tay của con lên mà ngấm thử xem.

Huyền Trân đưa bàn tay trái của mình lên nhìn. Vua tiếp:

- Con hãy nhìn bàn tay thật lâu và nói cho ta biết con có nhìn thấy ta trong bàn tay của con không? Không những ta mà cả mẹ con cũng có mặt trong bàn tay của con, và cả giống nòi và đất nước này cũng có mặt nơi bàn tay của con. Con ở đâu thì ta ở đó. Con làm gì thì ta làm cái đó và dân tộc con làm cái đó. Con về Chăm cũng như ta về Chăm và ta hoàn toàn trông cậy nơi con để tránh cho hai dân tộc cái họa đao binh sau này.

Những lời nói của Vua Nhân Tông đã nảy sinh một niềm thương cảm và một sự quyết tâm nơi lòng Công Chúa Huyền Trân. Huyền Trân cảm thấy những lo âu thắc mắc của mình không còn nữa. Nàng nguyện sẽ làm hết sức mình để khỏi phụ lòng trông đợi của cha và của cả dân tộc. Nhưng chạnh nghĩ đến việc lìa bỏ quê hương, xa cách cha mẹ anh em, bất giác Công Chúa thấy lòng xúc động và đôi giong lệ trào nơi khóe mắt, từ từ lăn trên đôi má rồi rơi trên phiến đá. Có lẽ đó là giọt nước mắt đầu tiên của người trần tục rơi trên phiến đá tiên.

Vua Nhân Tông đứng dậy cầm tay Công Chúa rồi khẽ bảo:

- Thôi con về kéo muện, sương chiều xuống lạnh. Ngày cử hành hôn lễ ta sẽ về kinh sư

tiến đưa con.

Công Chúa Huyền Trân đứng dậy lau nước mắt rồi chấp tay cúi đầu bái biệt Vua Nhân Tông và lên kiệu trở về.

Mồng mười tháng sáu năm ấy phái đoàn Chiêm Thành qua làm lễ đón dâu. Công Chúa Huyền Trân cùng với đoàn tùy tùng bước xuống thuyền hoa nhắm hướng Chiêm Thành trực chỉ.

Khi về đến Chiêm Thành và sau khi gặp Vua Chế Mân, Huyền Trân Công Chúa nhận thấy lời nói của Vua cha rất đúng. Vua Chế Mân có một dung mạo oai nghi và cung cách xử sự đúng là một người mã thượng. Do đó trong lòng nàng Công Chúa Đại Việt, tình yêu đối với ông Vua Chăm đã nảy nở mau chóng và rất mặn nồng.

Nhưng cuộc nhân duyên giữa nàng Công Chúa Đại Việt và vị Hoàng Đế Chiêm Thành quá ngắn ngủi, mười một tháng sau định mệnh cay nghiệt đã cướp mất Chế Mân trong khi Huyền Trân mang thai sáu tháng.

Theo tục lệ Chiêm Thành thì sau khi Vua chết Hoàng Hậu phải lên giàn hỏa để chết theo Vua, nhưng vì Huyền Trân đang mang thai nên Vua Chế Chí, người kế vị Chế Mân cho đình lại, chờ tới khi Hoàng Hậu nở nhụy khai hoa xong sẽ lên giàn hỏa theo đúng tục lệ Chiêm Thành.

Gần bốn tháng sau thì Huyền Trân hạ sinh một Hoàng nam đặt tên là Dayada thì vừa lúc phái đoàn Đại Việt do Thượng Tướng Trần Khắc Chung hướng dẫn qua phúng điếu Vua Chế Mân và dự lễ lên giàn hỏa của Huyền Trân. Thực ra thì Tướng Trần Khắc Chung đã được mật lệnh của Vua Anh Tông ủy thác tổ chức đánh cướp Công Chúa Huyền Trân đem về nước và việc này đã được Tướng Trần Khắc Chung thi hành đúng như lòng mong muốn của Vua Anh Tông.

Tại Am Long Động núi Yên Tử, Thượng Hoàng Nhân Tông được tin trên, ngài rất buồn phiền, vội cho người về kinh sư báo Vua Anh Tông phải thả ba trăm người Chiêm đã bị Đại Việt bắt trước kia và cho người đưa họ về Chiêm Thành giao cho Vua Chiêm hồng xoa dịu lòng căm hận của dân Chiêm đối với việc đánh tháo Công Chúa Huyền Trân.

Từ đó Thượng Hoàng không hề về kinh sư, ngoại trừ một lần âm thầm về thăm người chị là

Công Chúa Thiên Thụy. Trên đường trở lại núi Yên Tử, Ngài ghé thăm chùa Pháp Vân ở Cô Châu. Ngẫu hứng, Ngài có đề một bài thơ trên vách Tăng đường như sau:

*Số đời một hơi thở  
Tình đời hai biển trắng  
Cung Ma đâu sá kể  
Nước Phật một trời xuân.*

Mấy tháng sau Thượng Hoàng Nhân Tông bảo chú tiểu Pháp Đăng sửa soạn hành trang để cùng Ngài đi thăm các thắng cảnh trong vùng núi Yên Tử. Trong chuyến viếng thăm này hình như Ngài cảm thấy là chuyến thăm viếng cuối cùng nên tới nơi nào Ngài cũng tỏ ra vô cùng quyến luyến. Ngài nhìn từng gốc cây, sờ từng phiến đá một cách trù mến.

Khi trở về Am Long Động, mỗi ngày Thượng Hoàng đều ở rất lâu trong Am để tham thiền và đến tháng chín năm Mậu Thìn -1303- thì Ngài ngã bệnh. Qua đêm mồng một tháng mười thì Ngài băng hà. Theo lời Sư Pháp Loa kể lại trong cuốn Trúc Lâm Đại Sĩ thực lục thì trước hai ngày Thượng Hoàng băng hà cả vùng núi Yên Tử như trời sầu đất thảm. Mưa gió ào ào, chim kêu vượn hú thật thể lương. Bỗng nhiên chiều mồng một trời quang mây lạng, trong sáng vô cùng. Trước giờ chết Ngài gọi người đệ tử thân tín là Sư Bảo Sát vào hỏi:

- Giờ này là giờ gì ?
- Bạch thầy, giờ Tý.

Ngài bèn đưa tay đẩy cánh cửa sổ nhìn ra ngoài trời đầy sao rồi nói: "Đến giờ ta đi rồi", và ngâm một bài kệ như sau trước khi tắt thở:

*Mọi Pháp đều không sinh  
Mọi Pháp đều không diệt  
Nếu hiểu được điều đó  
Thì thấy Phật trước mặt  
Không đến cũng không đi*

Cũng theo lời Sư Pháp Loa thì những lúc sau này không ai nghe thấy Thượng Hoàng nói có còn buồn phiền Vua Anh Tông về vụ đánh cướp Công Chúa Huyền Trân về nước hay

không, nhưng trong chúc thư Thượng Hoàng dặn sau khi ngài viên tịch thì các đệ tử cứ làm lễ hỏa đàn trước rồi hãy tin cho Vua Anh Tông biết sau. Vì vậy khi Vua Anh Tông được tin báo lấy làm tức giận toan bắt tội Sư Pháp Loa, nhưng các quan trong triều can gián, nói đó là họ làm theo di giáo của Thượng Hoàng nên Vua Anh Tông không hài tội Sư Pháp Loa nữa và cùng với văn võ Triều thần lên núi Yên Tử rước xá lợi của Thượng Hoàng về kinh đô.

Khắp kinh thành Thăng Long náo loạn về tin Thượng Hoàng băng hà. Cả nước để tang. Cả nước tiếc thương một vị Vua đã dày công ngăn giặc từ phương Bắc, trấn an biên thù phương Tây và đã đem nướm ruột của mình để tạo tình hòa giải ở phương Nam.

Dân chúng từng đoàn lũ lượt theo xa giá Vua Anh Tông lên núi Yên Tử để chiêm bái xá lợi của Thượng Hoàng. Ai ai cũng khóc than. Tiếng khóc vang động cả núi rừng Yên Tử.

Riêng Công Chúa Huyền Trân sau khi được Vua Anh Tông lên báo hung tin Công Chúa vật mình than khóc và đóng cửa tấm điện suốt một ngày một đêm, không ăn không uống và cũng không theo Vua Anh Tông lên Yên Tử rước xá lợi của Thượng Hoàng. Tuy nàng không nói ra nhưng mọi người đều biết nỗi đau đớn của Công Chúa đã đến tột cùng. Chưa đầy một tháng sau thì Công Chúa xuất gia ở chùa Vũ Ninh tỉnh Hải Dương, lấy đạo hiệu là ni sư Hương Tràng. Nếu thuận tiện trong 1 Lá Thư tới tôi sẽ cống hiến quý vị AH bài "HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA, SỬ GIẢ CỦA HÒA BÌNH".

Ba năm sau, ba năm vừa đủ để hết thời kỳ tang chế, Vua Anh Tông chinh đốn binh mã cùng với hoàng đệ Trần Quốc Chấn và Tướng Trần Khánh Dư cất quân tiến đánh Chiêm Thành, chấm dứt nên hòa bình ngắn ngủi mà Thượng Hoàng Nhân Tông đã đem hết cả tâm lực ra gây dựng.

**TÔN THẮT TÙNG**